

Bản án số: **75/2022/KDTM-ST**

Ngày: 20/5/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vận
chuyên

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Phương Châm

2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2019/KDTM - ST ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyên”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1071/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1792/2022/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyên C

Trụ sở chính: Số 11A, đường Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 19N97 - đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 30/10/2019); Địa chỉ: Số 21/2 (tầng trệt), đường E, phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH G

Trụ sở chính: Số 363, tầng W, đường N, phường M, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: Số 46, đường I, khu phố F, phường P, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H

Trụ sở chính: Số 1B, đường R, phường B, Thành phố S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Duy D, sinh năm 1988 - đại diện theo ủy quyền; Hộ khẩu thường trú: Số 61 đường C, Phường X, Thành phố L, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên lạc: Số 42/4, đường Q, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Ngô Thị Đ có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn Công ty TNHH G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2019, Đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/3/2020, Đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/11/2021 quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C do bà Ngô Thị Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/3/2018, Công ty TNHH C và Công ty G đã thực hiện việc giao kết Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 20180320/HĐDVVC. Theo đó, Công ty G chỉ định Công ty C thực hiện dịch vụ vận chuyển quốc tế để vận chuyển những lô hàng xuất khẩu của Công ty G từ Việt Nam đến các nước khác (bao gồm chặng đường vận chuyển nội địa từ nơi chiếu xạ đến cảng hàng không hoặc từ kho của Công ty G và các nơi khác theo yêu cầu của Công ty G). Do Công ty C có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ vận chuyển theo yêu cầu của Công ty G nên Công ty G có nghĩa vụ thanh toán 100% cước vận chuyển và các phí khác có liên quan cho Công ty C trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát hàng không vận đơn, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31/12/2019.

Các bên đã thực hiện hợp đồng đến tháng 9/2018 thì Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Mục 3.1 Điều 3 Hợp đồng đối với cước vận chuyển và phí dịch vụ liên quan của 04 đơn hàng phát sinh vào ngày 04/9/2018, ngày 09/9/2018, ngày 18/9/2018 và ngày 23/9/2018 (theo các hóa đơn giá trị gia tăng đính kèm).

Tổng tiền cước vận chuyển và phí dịch vụ có liên quan của 04 đơn hàng là 353.689.766 đồng. Tại Xác nhận số dư ngày 18/12/2018 người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã ký xác nhận nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 30/11/2018 là 353.689.766 đồng. Tại Biên bản cam kết thanh toán công nợ ngày 27/12/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn xác nhận nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 20/12/2018 là 353.689.766 đồng.

Sau đó, ngày 10/01/2019 Công ty G thanh toán cho Công ty C số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 343.689.766 đồng chưa thanh toán. Công ty C đã nhiều

lần gửi văn bản yêu cầu Công ty G thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty G vẫn không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty G thanh toán số tiền tạm tính là 395.243.231 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 343.689.766 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, tạm tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán của đơn hàng cuối cùng ngày 23/9/2018 tức là ngày 08/10/2018 đến thời điểm khởi kiện tạm tính 12 tháng là $343.689.766 \text{ đồng} \times 1.25\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 51.553.465 \text{ đồng}$.

Tại đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 19/3/2020, nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc ít hơn 55.000.000 đồng. Cụ thể do Công ty H là chủ sở hữu của bị đơn và cùng do ông Nguyễn Thành C là đại diện theo pháp luật đã thanh toán thay cho bị đơn số tiền: Ngày 10/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 17/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 27/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng và ngày 11/9/2019 thanh toán 25.000.000 đồng.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 19/11/2021 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 288.689.766 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/11/2021 là 108.055.328 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty G và Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H cùng liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 20/5/2022 là 415.793.048 đồng bao gồm: Số tiền nợ gốc là 288.689.766 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 20/5/2022 là 127.103.282 đồng (theo quy định của Điều 306 Luật Thương mại theo mức lãi suất là 13,5%/năm, tức 0,0369%/ngày), cụ thể:

Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ thời điểm sau ngày các bên ký kết Biên bản cam kết thanh toán công nợ ngày 27/12/2018 (cam kết hạn chót thanh toán là ngày 28/02/2019), tức từ ngày 01/3/2019 đến ngày 09/5/2019 (trước ngày 10/5/2019 là ngày thanh toán số tiền 10.000.000 đồng) là: $343.689.766 \text{ đồng} \times 0,0369\% \times 68 \text{ ngày} = 8.623.864 \text{ đồng}$.

Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ thời điểm ngày 10/5/2019 ngày 16/5/2019 (trước ngày 17/5/2019 là ngày thanh toán số tiền 10.000.000 đồng) là: $(343.689.766 - 10.000.000 \text{ đồng}) \times 0,0369\% \times 06 \text{ ngày} = 738.789 \text{ đồng}$.

Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ thời điểm ngày 17/5/2019 đến ngày 26/5/2019 (trước ngày 27/5/2019 là ngày thanh toán số tiền 10.000.000 đồng) là: $(333.689.766 - 10.000.000 \text{ đồng}) \times 0,0369\% \times 09 \text{ ngày} = 1.074.974 \text{ đồng}$.

Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 27/5/2019 đến ngày 10/9/2019 (trước ngày 11/9/2019 là ngày thanh toán số tiền 25.000.000 đồng) là: $(323.689.766 - 10.000.000 \text{ đồng}) \times 0,0369\% \times 103 \text{ ngày} = 12.269.662 \text{ đồng}$.

Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 11/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/5/2022 là: $(313.689.766 - 25.000.000) \times 0,0369\% \times 980 \text{ ngày} = 104.395.993 \text{ đồng}$.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản vay trên vì theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chủ sở hữu của bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, năm 2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với tư cách là chủ sở hữu của bị đơn đã có văn bản cam kết trả số nợ cho nguyên đơn 343.689.766 đồng có nội dung: “Chúng tôi cam kết thanh toán cho Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C đúng hạn và đúng số tiền nêu trên”. Sau đó người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng và được nguyên đơn chấp nhận. Mặt khác tại Bản khai ngày 14/5/2021 của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng thể hiện đồng ý thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng liên đới trả số tiền nợ cho nguyên đơn tính đến ngày 20/5/2022 là 415.793.048 đồng (bao gồm: 288.689.766 đồng nợ gốc và 127.103.282 đồng nợ lãi).

** Tại bản tự khai đề ngày 14/5/2021, ngày 19/5/2022 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H do ông Bùi Duy D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/3/2018, Công ty C và Công ty G đã thực hiện việc giao kết Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 20180320/HĐDVVC. Theo đó, Công ty C có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ vận chuyển theo yêu cầu của Công ty G và Công ty G có nghĩa vụ thanh toán 100% cước vận chuyển và các phí khác có liên quan cho Công ty C trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát hàng không vận đơn, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31/12/2019. Các bên đã thực hiện hợp đồng đến tháng 9/2018 thì Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Mục 3.1 Điều 3 Hợp đồng đối với cước vận chuyển và phí dịch vụ liên quan của 04 đơn hàng phát sinh vào ngày 04/9/2018, ngày 09/9/2018, ngày 18/9/2018 và ngày 23/9/2018. Tổng tiền cước vận chuyển và phí dịch vụ có liên quan của 04 đơn hàng là 353.689.766 đồng. Tuy nhiên, Công ty G chỉ mới thanh toán cho Công ty C số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 343.689.766 đồng chưa thanh toán. Công ty C đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty G thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty G vẫn không thực hiện.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H là chủ sở hữu của bị đơn và cùng do ông Nguyễn Thành C là đại diện theo pháp luật đã thanh toán thay cho bị đơn số tiền: Ngày 10/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 15/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 27/5/2019 thanh toán 25.000.000 đồng. Tại Biên bản cam kết thanh toán công nợ năm 2019 thì ông Nguyễn Thành C đã ký với tư cách là đại diện theo pháp luật của Công ty H đồng ý trả công nợ của Công ty G số tiền nợ là 343.689.766 đồng cho Công ty C nếu Công ty G không trả. Nay ông xác định Công ty H và Công ty G còn nợ Công ty C số tiền tính đến ngày 20/5/2022 là: 288.689.766 đồng nợ gốc và 127.103.282 đồng nợ lãi (theo mức lãi suất 13,5%/năm tức là 0,0369%/ngày).

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trên: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Công ty H là chủ sở hữu của Công ty G, ông Nguyễn Thành C là đại diện theo pháp luật của cả hai Công ty, năm 2019 Công ty H với tư cách là chủ sở hữu của Công ty G đã có văn bản cam kết cùng bị đơn trả số nợ trên cho Công ty C (số tiền nợ gốc 343.689.766 đồng), sau đó Công ty G và Công ty H đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng và nguyên đơn cũng đã đồng ý việc thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Do đó, Công ty G và Công ty H đồng ý cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty C số tiền tính đến ngày 20/5/2022 là 415.793.048 đồng (bao gồm nợ gốc và lãi). Do tình hình Công ty đang gặp nhiều khó khăn nên đề nghị nguyên đơn cho Công ty G và Công ty H có thời gian để trả số nợ trên.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ Hợp đồng vận chuyển số 20180320/HĐDVVC ngày 20/3/2018 giữa nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C và bị đơn Công ty TNHH G và Biên bản cam kết thanh toán công nợ năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H cũng như ý kiến trình bày của Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền của hợp đồng vận chuyển còn lại tính đến ngày 20/5/2022 là 415.793.048 đồng (bao gồm: 288.689.766 đồng nợ gốc và 127.103.282 đồng nợ lãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C và bị đơn Công ty TNHH G giao kết hợp đồng Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 20180320/HĐDVVC ngày 20/3/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trả số tiền nợ của hợp đồng dịch vụ vận chuyển còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có

đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty TNHH G có trụ sở chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng vận chuyển” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về việc vắng mặt đương sự:

Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án thể hiện bị đơn không còn hoạt động tại nơi đăng ký trụ sở chính số 363 (tầng 2, đường N, phường M, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả cung cấp thông tin doanh nghiệp của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty TNHH G chưa đăng ký giải thể. Căn cứ đơn khởi kiện và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn có cơ sở xác định địa chỉ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện là đúng và đầy đủ. Việc bị đơn thay đổi trụ sở mà không công bố công khai theo quy định pháp luật được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thanh toán nợ gốc:

Căn cứ bản sao Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 20180320/HĐDVVC ngày 20/3/2018 giữa hai Công ty có nội dung Công ty G chỉ định Công ty C thực hiện dịch vụ vận chuyển quốc tế để vận chuyển những lô hàng xuất khẩu của Công ty G từ Việt Nam đến các nước khác (bao gồm chặng đường vận chuyển nội địa từ nơi chiếu xạ đến cảng hàng không hoặc từ kho của Công ty G và các nơi khác theo yêu cầu của Công ty G). Do Công ty C có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ vận chuyển theo yêu cầu của Công ty G nên Công ty G có nghĩa vụ thanh toán 100% cước vận chuyển và các phí khác có liên quan cho Công ty C trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát hàng không vận đơn, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31/12/2019. Từ nội dung của hợp đồng cho thấy thỏa thuận giữa các bên là hợp đồng vận chuyển, đây là hoạt động thương mại mà theo đó bên vận chuyển có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Các bên đã thực hiện hợp đồng đến tháng 9/2018 thì Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Mục 3.1 Điều 3 Hợp đồng đối với cước vận chuyển và phí dịch vụ liên quan của 04

đơn hàng phát sinh vào ngày 04/9/2018, ngày 09/9/2018, ngày 18/9/2018 và ngày 24/9/2018 (theo các hóa đơn giá trị gia tăng).

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án gồm: Các hóa đơn giá trị gia tăng của 04 đơn hàng phát sinh vào ngày 04/9/2018, ngày 09/9/2018, ngày 18/9/2018 và ngày 23/9/2018; Xác nhận số dư ngày 18/12/2018 người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã ký xác nhận nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 30/11/2018 là 353.689.766 đồng; Biên bản cam kết thanh toán công nợ ngày 27/12/2018 bị đơn xác nhận nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 20/12/2018 là 353.689.766 đồng; Biên bản cam kết thanh toán công nợ năm 2019 (không ghi ngày tháng) của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác nhận nợ nguyên đơn số tiền 343.689.766 đồng.

Sau đó, nguyên đơn cho rằng tháng 01/2019 bị đơn đã thanh toán được 10.000.000 đồng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H là chủ sở hữu của bị đơn và cùng do ông Nguyễn Thành C là đại diện theo pháp luật đã thanh toán thay cho bị đơn số tiền: Ngày 10/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 17/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 27/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng và ngày 11/9/2019 thanh toán 25.000.000 đồng.

Như vậy, sau khi các bên có biên bản Xác nhận số dư ngày 18/12/2018 và Biên bản cam kết thanh toán công nợ ngày 27/12/2018 đến nay thì nguyên đơn xác định số nợ gốc ít hơn 65.000.000 đồng, tức chỉ còn 288.689.766 đồng, xét thấy có lợi hơn cho bị đơn nên có cơ chấp nhận. Mặt khác tại Bản khai ngày 14/5/2021, ngày 19/5/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng xác nhận toàn bộ nội dung trên, thể hiện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 288.689.766 đồng.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Căn cứ vào Biên bản cam kết thanh toán công nợ năm 2019 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Bản tự khai ngày 14/5/2021, ngày 19/5/2022 của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thể hiện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý cùng bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền trên và thỏa thuận trên đã được nguyên đơn đồng ý. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng liên đới trả số nợ trên cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ngoài các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện và Tòa án thu thập được không có chứng cứ nào khác cho thấy bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trả xong số tiền nợ gốc còn lại là 288.689.766 đồng cho nguyên đơn.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng vận chuyển là 288.689.766 đồng.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thanh toán nợ lãi:

Về mức lãi suất: Mức lãi suất chậm trả áp dụng trong trường hợp hai bên có tranh chấp về lãi cần được điều chỉnh theo quy định của Điều 306 Luật Thương mại. Căn cứ mức lãi suất nợ do Ngân hàng V - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp đối với loại hình cho vay ngắn hạn là 8%/năm, trung dài hạn là 10.5%/năm, mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi cho vay trong hạn; mức lãi suất do Ngân hàng R - chi nhánh T cung cấp đối với loại hình cho vay ngắn hạn 3 tháng là 7%/năm, vay ngắn hạn bằng hoặc dưới 6 tháng là 8.5%/năm, vay ngắn hạn trên 6 tháng là 8.8%/năm; mức lãi suất do Ngân hàng K – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp đối với lãi suất cho vay ngắn hạn sản xuất kinh doanh thông thường đến 6 tháng là 9%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn sản xuất kinh doanh thông thường trên 6 tháng đến 12 tháng là 9.5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn sản xuất kinh doanh thông thường là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường được xác định là 13.52%/năm. Tuy nhiên, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc với mức lãi suất quá hạn 13.5%/năm (tức 0,0369%/tháng) là thấp hơn mức lãi suất theo quy định, có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi: Xác nhận số dư ngày 18/12/2018 và Biên bản cam kết thanh toán công nợ ngày 27/12/2018 của bị đơn xác nhận nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 20/12/2018 là 353.689.766 đồng (bị đơn cam kết đến ngày hạn chót đến ngày 28/02/2019 sẽ thanh toán hết số tiền trên cho nguyên đơn). Sau đó, ngày 28/01/2019 bị đơn đã thanh toán được 10.000.000 đồng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thanh toán cho nguyên đơn: ngày 10/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 17/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 27/5/2019 thanh toán 10.000.000 đồng và ngày 11/9/2019 thanh toán 25.000.000 đồng. Do đó, số tiền nợ lãi sẽ phát sinh sau ngày 28/02/2019 tức từ ngày 01/3/2019 theo dư nợ gốc giảm dần. Tại bản khai ngày 19/5/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng đã xác nhận bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lãi tính đến ngày 20/5/2022 là 127.103.282 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng liên đới thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 20/5/2022 theo trình bày nêu trên với số tiền 127.103.282 đồng là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác” nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số

tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 20/5/2022 là 127.103.282 đồng.

Do đó, tổng số tiền bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền đến ngày 20/5/2022 là 415.793.048 đồng (bao gồm: 288.689.766 đồng nợ gốc và 127.103.282 đồng nợ lãi), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:*

Bị đơn Công ty TNHH G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 20.631.722 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C.

Buộc bị đơn Công ty TNHH G và Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C tổng số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 20180320/HĐDVVC ngày 20/3/2018 giữa Công ty TNHH G và Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C tính đến ngày 20/5/2022 là 415.793.048 (Bốn trăm mười lăm triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn không trăm bốn mươi tám)

đồng, trong đó nợ gốc là 288.689.766 đồng và nợ lãi do chậm thanh toán là 127.103.282 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH G và Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:

Bị đơn Công ty TNHH G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 20.631.722 (Hai mươi triệu sáu trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai mươi hai) đồng.

Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.881.081 đồng (Chín triệu tám trăm tám mươi một nghìn không trăm tám mươi một đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0005360 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH G và Công ty Cổ phần Đầu tư Nuôi trồng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tâm

